

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 01/2004/TT-BKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định 66/2003/NĐ-CP ngày 12/06/2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đấu thầu

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 66/CP) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 88/CP và 14/CP), căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 66/CP (văn bản số 1336/CP-CN ngày 2 tháng 10 năm 2003), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 66/CP như sau:

Phần 1
NĂNG LỰC PHÁP LUẬT CỦA NHÀ THẦU, SỰ ĐỘC LẬP
VỀ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

(Quy định tại điểm 10 khoản 2 Điều 1 Nghị định 66/CP)

I. Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của nhà thầu

Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đối với nhà thầu trong nước được căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, còn đối với nhà thầu nước ngoài được căn cứ theo pháp luật của nước nơi nhà thầu mang quốc tịch, cụ thể phải đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đối với nhà thầu là tổ chức trong nước

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh và thực hiện đúng theo đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Hoặc có quyết định thành lập (đối với các đơn vị không có đăng ký kinh doanh) do cơ quan có thẩm quyền cấp và thực hiện đúng theo quyết định thành lập.

2. Đối với nhà thầu là tổ chức nước ngoài

Có đăng ký hoạt động hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi nhà thầu mang quốc tịch cấp.

3. Đối với nhà thầu là cá nhân

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có hộ khẩu thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc hộ chiếu hợp pháp (đối với cá nhân là người nước ngoài);
- Có đăng ký hoạt động hợp pháp hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp và thực hiện đúng theo đăng ký hoạt động hoặc chứng chỉ chuyên môn;
- Không ở trong tình trạng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời gian chờ chấp hành các hình phạt của tòa án các cấp.

II. Sự độc lập về tài chính của nhà thầu

Nhà thầu được coi là độc lập về tài chính nếu đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập;
 - Không có cùng lợi ích kinh tế với các tổ chức và cá nhân liên quan;
- Đại diện hợp pháp của nhà thầu không có thân nhân là vợ, chồng, cha, mẹ, con hoặc anh, chị, em ruột tham gia bên mời thầu, tổ chuyên gia, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả đấu thầu của gói thầu mà mình tham dự.

Phần 2

ĐÁNH GIÁ VỀ MẶT KỸ THUẬT THEO TIÊU CHÍ “ĐẠT”,
“KHÔNG ĐẠT” ĐỐI VỚI MUA SẮM HÀNG HÓA VÀ XÂY LẮP

(Quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 66/CP)

I. Quy định chung

Quy trình đánh giá hồ sơ dự thầu đối với mua sắm hàng hóa và xây lắp được thực hiện theo quy định tại Điều 30 và Điều 41 Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 88/CP và được hướng dẫn tại Chương II và Chương III Phần thứ tư Thông tư 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Thông tư 04).

Việc áp dụng phương pháp đánh giá về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” phải nêu rõ trong hồ sơ mời thầu và được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Các gói thầu quy mô nhỏ;
2. Các gói thầu có các yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật được xác định rõ và chính xác.

II. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật cần căn cứ theo quy định tại điểm 2 khoản 12 và điểm 2 khoản 15 Điều 1 Nghị định 66/CP bao gồm các nội dung sau:

1. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá tổng quát:

Việc xác định danh mục các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát cần căn cứ vào tính chất của gói thầu trên cơ sở quy định tại điểm 2 khoản 12 Điều 1 Nghị định 66/CP (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) và quy định tại điểm 2 khoản 15 Điều 1 Nghị định 66/CP (đối với gói thầu xây lắp).

Đối với tiêu chuẩn đánh giá tổng quát chỉ sử dụng tiêu chí “đạt” hoặc “không đạt”.

2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chi tiết:

Đề có căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu theo từng tiêu chuẩn đánh giá tổng quát, cần xây dựng tiêu chuẩn chi tiết cho từng tiêu chuẩn đánh giá tổng quát.

Đối với tiêu chuẩn đánh giá chi tiết tùy theo đặc thù của gói thầu, ngoài tiêu chí “đạt” hoặc “không đạt” quy định cho các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu thì được phép áp dụng thêm tiêu chí “chấp nhận được” cho các yêu cầu không cơ bản, song không được vượt quá 30% tổng số tiêu chuẩn đánh giá chi tiết cho một tiêu chuẩn đánh giá tổng quát.

3. Quy định mức độ đáp ứng:

a. Đối với tiêu chuẩn đánh giá tổng quát:

Một tiêu chuẩn đánh giá tổng quát được coi là “đạt” khi:

Các tiêu chuẩn đánh giá chi tiết đều được đánh giá là “đạt” hoặc;

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết cho yêu cầu cơ bản phải được đánh giá là “đạt”, còn tiêu chuẩn đánh giá chi tiết đối với các yêu cầu không cơ bản có thể được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được” tùy theo từng gói thầu.

Bất kỳ một yêu cầu nào dù là yêu cầu cơ bản hay không cơ bản thuộc tiêu chuẩn đánh giá chi tiết được đánh giá là “không đạt” thì tiêu chuẩn đánh giá tổng quát tương ứng được coi là “không đạt”.

b. Đối với đánh giá sự đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật:

Một hồ sơ dự thầu được đánh giá theo các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát đều “đạt” thì được coi là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật (đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu). Khi có một tiêu chuẩn đánh giá tổng quát được đánh giá là “không đạt” thì hồ sơ dự thầu này được coi là không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

Những tiêu chuẩn đánh giá chi tiết được quy định áp dụng tiêu chí “chấp nhận được” phải được làm rõ khi thương thảo hoàn thiện hợp đồng để đảm bảo tính khả thi so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

III. Thực hiện đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”

Việc thực hiện đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” phải căn cứ theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu và không được bỏ bớt, bổ sung hoặc thay đổi bất kỳ nội dung nào thuộc tiêu chuẩn đánh giá. Đồng thời phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Chỉ đánh giá các hồ sơ dự thầu đã vượt qua đánh giá sơ bộ theo hướng dẫn tại mục I Chương II (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) và mục I Chương III (đối với gói thầu xây lắp) Phần thứ tư Thông tư 04.
2. Việc đánh giá về tài chính, thương mại chỉ thực hiện đối với danh sách ngắn là các nhà thầu đã được đánh giá đáp ứng về mặt kỹ thuật (theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”) và thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục II Chương II (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) và khoản 2 mục II Chương III (đối với gói thầu xây lắp) Phần thứ tư Thông tư 04.

IV. Ví dụ minh họa:

Ví dụ minh họa về việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” được trình bày tại **Phụ lục I** kèm theo Thông tư này.

Phần 3

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC ĐẤU THẦU GÓI THẦU EPC

(Quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 66/CP)

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu EPC có thể được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp được quy định tại Điều 4 Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 88/CP nhưng phải được xác định trong kế hoạch đấu thầu do người có thẩm quyền phê duyệt để có cơ sở cho triển khai thực hiện.

Đối với trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu EPC, trình tự thực hiện phải tuân thủ quy định tại Điều 20, Điều 22 và Điều 33 của Nghị định 88/CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định 66/CP, theo phương thức đấu thầu hai giai đoạn quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 88/CP. Theo đó, trình tự tổ chức đấu thầu gói thầu EPC thực hiện như sau:

I. Chuẩn bị đấu thầu

1. Sơ tuyển

Việc sơ tuyển phải được tiến hành đối với các gói thầu EPC có giá gói thầu từ 300 tỷ đồng trở lên. Quy trình sơ tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 34 Nghị định 88/CP và Chương II Phần thứ nhất Thông tư 04 với một số lưu ý sau:

a. Hồ sơ mời sơ tuyển phải được chủ dự án phê duyệt.

b. Tiêu chuẩn đánh giá sơ tuyển phải bao hàm trong hồ sơ mời sơ tuyển và phải đảm bảo đồng thời các yêu cầu sau:

Quy định mức điểm tối thiểu đạt sơ tuyển là từ 70% tổng số điểm trở lên;

Quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với từng tiêu chí: kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính từ 50% số điểm của tiêu chí đó trở lên đối với từng lĩnh vực thiết kế (E), cung cấp thiết bị, vật tư (P) và xây lắp (C).

c. Thông báo mời sơ tuyển phải được đăng tải theo quy định tại khoản 2 mục I Phần 4 của Thông tư này với các nội dung chính sau:

Tên và địa chỉ của bên mời thầu;

Giới thiệu khái quát về gói thầu;

Chỉ dẫn việc tìm hiểu hồ sơ mời sơ tuyển;

Chỉ dẫn về thời gian và địa điểm nhận hồ sơ mời sơ tuyển.

2. Hồ sơ mời thầu

2.1 Hồ sơ mời thầu được chuẩn bị trên cơ sở các căn cứ sau:

a. Quyết định đầu tư kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (trong trường hợp gói thầu EPC là toàn bộ dự án);

b. Quyết định đầu tư kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi và các yêu cầu kỹ thuật cơ bản được duyệt (trong trường hợp gói thầu EPC là một phần của dự án);

c. Kế hoạch đấu thầu được duyệt.

2.2 Hồ sơ mời thầu cho hai giai đoạn 1 và 2 bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thư mời thầu;

b) Chỉ dẫn đối với nhà thầu:

b.1 Chỉ dẫn chung;

b.2 Bảng dữ liệu đấu thầu;

b.3 Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên cơ sở quy định tại khoản 5, khoản 12 và khoản 15 Điều 1 Nghị định 66/CP, tham khảo các hướng dẫn tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 mục I Chương II Phần thứ ba Thông tư 04, cụ thể bao gồm những nội dung sau:

b.3.1. Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (đối với các gói thầu không có sơ tuyển):

Thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 12 và điểm 1 khoản 15 Điều 1 Nghị định 66/CP.

b.3.2 Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật:

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu EPC phải tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 66/CP, cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá phải bao gồm đầy đủ cả 3 nội dung thiết kế (E), cung cấp thiết bị, vật tư (P) và xây lắp (C), trong đó phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật đối với từng nội dung.

Nhà thầu được coi là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật là nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật.

Căn cứ nguyên tắc nêu trên, việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu EPC được thực hiện theo một trong hai cách sau:

Cách 1:

Quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật đối với từng nội dung (E, P và C) là 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật. Cách này được áp dụng khi từng nội dung (E, P và C) của gói thầu EPC đều có yêu cầu cao về mặt kỹ thuật.

Cách 2:

Quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật đối với từng nội dung (E, P và C) không nhất thiết đều là 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật, nhưng phải đảm bảo theo các quy định về mức điểm yêu cầu tối thiểu như đối với các gói thầu thuần túy là thiết kế (E), thuần túy là cung cấp thiết bị, vật tư (P) và thuần túy là xây lắp (C). Theo đó, trong trường hợp bình thường mức điểm yêu cầu tối thiểu cho một nội dung (E hoặc P hoặc C) không được quy định dưới 70%, còn trong trường hợp có yêu cầu cao về mặt kỹ thuật thì phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu là 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật.

Đồng thời quy định tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật tổng hợp cho cả 3 nội dung E, P và C. Hệ số tương quan giữa các nội dung E, P và C (ví dụ E chiếm tỷ trọng 30%, P chiếm tỷ trọng 50% và C chiếm tỷ trọng 20% tổng số điểm kỹ thuật tổng hợp) được xác định tùy theo đặc thù của gói thầu cụ thể nhưng phải quy định mức yêu cầu tối thiểu đối với điểm kỹ thuật tổng hợp là 90%.

Cách này áp dụng khi đối với từng nội dung E, P và C không phải đều có yêu cầu cao về kỹ thuật.

Nội dung tiêu chuẩn đánh giá chi tiết đối với từng nội dung E, P và C căn cứ vào các quy định tương ứng trong Nghị định 88/CP và Thông tư 04.

b.3.3 Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính, thương mại:

Sử dụng phương pháp giá đánh giá đối với các hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật để so sánh xếp hạng nhà thầu. Trường hợp quy định tiêu chuẩn đánh giá theo cách 1 thì nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với gói thầu EPC là nhà thầu có hồ sơ dự thầu được đánh giá theo từng nội dung E, P và C đạt từ 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật trở lên đối với từng nội dung. Trường hợp tiêu chuẩn đánh giá theo cách 2 thì nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với gói thầu EPC là nhà thầu có hồ sơ dự thầu đạt từ 90% tổng số điểm kỹ thuật tổng hợp trở lên.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá căn cứ theo quy định tại điểm 3 khoản 12 (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) và điểm 3 khoản 15 (đối với gói thầu xây lắp) Điều 1 Nghị định 66/CP.

c) Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật:

Điều khoản tham chiếu đối với tư vấn thiết kế, quản lý, vận hành, chuyển giao;

Các yêu cầu về công suất, hiệu suất, công nghệ và yêu cầu làm rõ nguồn gốc hàng hoá và công nghệ;

Các yêu cầu về chất lượng, tiến độ công trình, bảo hành, bảo trì;

Các yêu cầu về môi trường;

Các yêu cầu khác (nếu có).

d) Dự thảo hợp đồng: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 66/CP, nội dung dự thảo hợp đồng EPC thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

đ) Các biểu mẫu:

Mẫu đơn dự thầu;

Mẫu biểu giá dự thầu;

Mẫu bảo lãnh dự thầu;

Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

Mẫu bảo lãnh tạm ứng;

Mẫu kê khai liên danh, thầu phụ;

Mẫu báo cáo tình hình tài chính;

Mẫu ủy quyền của nhà sản xuất;

Các biểu mẫu khác (nếu có).

3. Mời thầu

Mời thầu thực hiện thông qua thông báo mời thầu đối với gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi không qua sơ tuyển hoặc gửi thư mời thầu tới các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, gửi thư mời thầu tới các nhà thầu đã đạt bước sơ tuyển (trong trường hợp có thực hiện sơ tuyển). Thông báo mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục I Phần 4 của Thông tư này. Việc gửi thư mời thầu phải thực hiện tối thiểu 7 ngày trước khi phát hành hồ sơ mời thầu.

II. Tổ chức đấu thầu, xét thầu

1. Giai đoạn 1:

a) Phát hành hồ sơ mời thầu

Bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 dưới hình thức bán hoặc cung cấp miễn phí cho các nhà thầu tham dự đấu thầu hoặc các nhà thầu đã qua sơ tuyển.

b) Làm rõ hồ sơ mời thầu

Sau khi đã phát hành, bên mời thầu có trách nhiệm làm rõ nội dung của hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 theo đề nghị của các nhà thầu hoặc thông qua hội nghị tiền đấu thầu do bên mời thầu thực hiện. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 có thể được tiến hành qua trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng phải ghi lại thành văn bản và phải được gửi tới tất cả các nhà thầu tham gia đấu thầu.

c) Chuẩn bị hồ sơ dự thầu giai đoạn 1

Sau khi nhận được hồ sơ mời thầu giai đoạn 1, các nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu (chưa có giá dự thầu) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 và nộp hồ sơ dự thầu theo đúng nội dung, hình thức, thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu giai đoạn 1.

d) Nhận và quản lý hồ sơ dự thầu giai đoạn 1

Bên mời thầu tiếp nhận các hồ sơ dự thầu nộp theo đúng quy định trong hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 và quản lý theo quy định của pháp luật về bảo mật.

đ) Mở thầu

Ngay sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải tiến hành tổ chức mở thầu công khai theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 66/CP và mục VI Chương III Phần thứ nhất Thông tư 04.

e) Trao đổi về hồ sơ dự thầu giai đoạn 1

Căn cứ các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu giai đoạn 1, bên mời thầu tiến hành trao đổi với các nhà thầu nhằm thống nhất về yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật để bên mời thầu chuẩn bị hồ sơ mời thầu giai đoạn 2.

2. Giai đoạn 2:

2.1 Các bước từ phát hành hồ sơ mời thầu đến mở thầu trong giai đoạn 2 được thực hiện theo quy định từ bước a) đến bước đ) của giai đoạn 1. Trong đó hồ sơ mời thầu giai đoạn 2 cần được chuẩn xác yêu cầu về mặt kỹ thuật, yêu cầu về mặt tài chính, thương mại để các nhà thầu tham gia giai đoạn 1 chuẩn bị hồ sơ dự thầu chính thức.

2.2 Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn 2

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu giai đoạn 2, bên mời thầu tiến hành đánh giá hồ sơ dự thầu theo trình tự và nguyên tắc sau: chỉ xem xét, đánh giá hồ sơ dự thầu ở bước tiếp theo sau khi đã được đánh giá là đạt yêu cầu ở bước trước. Trình tự đánh giá hồ sơ dự thầu như sau:

a) Đánh giá sơ bộ:

Kiểm tra tính hợp lệ về hành chính pháp lý, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, sự đáp ứng về các điều kiện tiên quyết nêu trong hồ sơ mời thầu. Nội dung đánh giá sơ bộ thực hiện tương tự như quy định tại mục I Chương II Phần thứ tư của Thông tư 04.

b) Đánh giá chi tiết:

Bước 1: Đánh giá về mặt kỹ thuật để chọn nhà thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Việc đánh giá về mặt kỹ thuật thực hiện theo hệ thống thang điểm. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu giải thích về những nội dung còn chưa rõ, chưa hợp lý trong hồ sơ dự thầu như số lượng, đơn giá và những nội dung khác nhưng phải lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của hai bên. Danh sách ngắn các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật phải được chủ dự án xem xét phê duyệt bằng văn bản chính thức.

Bước 2: Đánh giá về tài chính, thương mại để xác định giá đánh giá. Việc đánh giá về tài chính, thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục II Chương II và khoản 2 mục II Chương III Phần thứ tư của Thông tư 04 với một số lưu ý như sau:

Khi đánh giá cần phân tích các đơn giá dự thầu chi tiết của từng phần công việc: thiết kế, thiết bị, vật tư và xây lắp để xác định tính hợp lý của giá dự thầu.

Các đơn giá (hoặc chi phí) bất hợp lý tạo nên giá dự thầu quá thấp so với giá gói thầu được duyệt phải được nhà thầu giải thích rõ và có căn cứ xác đáng.

Tiêu chuẩn đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá cần bao gồm những nội dung chính sau:

Thời gian sử dụng;

Công suất thiết kế;

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;

Chất lượng thiết bị, vật tư sử dụng để thi công, lắp đặt;

Chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng;

Nguồn gốc thiết bị, vật tư;

Các điều kiện tài chính thương mại;

Các điều kiện hợp đồng;

Một số nội dung khác.